

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: **223/2020/HNGĐ - ST**

Ngày: 25 - 8 - 2020

V/v “*Ly hôn*”.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Thị Kim Dung.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Thiều Thị Phi Loan.

Ông Nguyễn Trung Diễn.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tuyền - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Quỳnh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số: 918/2020/TLST-HNGĐ, ngày 18 tháng 3 năm 2020, về việc “*Ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 196/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 10 tháng 7 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 264/2020/QĐST-HNGĐ ngày 04 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 1981.

HKTT: Ấp 1 Suối Soang 1, xã Phú Vinh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: 469C, tổ 17, khu phố 3, phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

- Bị đơn: Ông **Trần Minh D**, sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú: xã Phú Vinh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai.

Tạm trú: khu phố 1, phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đồng Nai.

(Bà H có đơn xin xét xử vắng mặt, ông D vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện ngày 10/02/2020, bản tự khai nguyên đơn bà Nguyễn Thị H trình bày:

Bà và ông Trần Minh D tự nguyện đến với nhau vào năm 2000, đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vinh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Đã được Ủy ban nhân dân xã Phú Vinh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/01/2000.

Thời gian đầu bà và ông Trần Minh D sống hạnh phúc sau đó xảy ra mâu thuẫn về tình cảm, do bất đồng quan điểm sống, thường hay cãi nhau. Nhiều lần vợ chồng hàn gắn nhưng không được. Mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, không thể chung sống với nhau được nữa, mục đích hôn nhân không đạt được, bà xin được ly hôn với ông Trần Minh D.

Về con chung: Quá trình vợ chồng chung sống bà và ông Trần Minh D có 02 con chung cháu Trần Minh Ng, sinh ngày 13/01/2001 và cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 28/01/2006. Ly hôn, bà đồng ý giao cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 28/01/2006 cho ông Trần Minh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/tháng. Đối với cháu Trần Minh Ng, sinh ngày 13/01/2001 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

- Bị đơn ông Trần Minh D: Vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án, không nộp bản tự khai, không cung cấp tài liệu chứng cứ đối với yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của bà Nguyễn Thị H.

Ý kiến của Viện kiểm sát nhân dân thành phố B:

Về việc kiểm sát chấp hành pháp luật tố tụng: Nguyên đơn chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng, bị đơn không chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng. Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng quy định pháp luật tố tụng.

Nguyên đơn: Chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn: Không chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án:

Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Minh D có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vinh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Đã được Ủy ban nhân dân xã Phú Vinh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 18/01/2000. Hôn nhân của bà Nguyễn Thị H và ông Trần Minh D là tự nguyện, hợp pháp.

Bà Nguyễn Thị H xác định tình cảm vợ chồng không còn nên xin ly hôn ông Trần Minh D. Ông Trần Minh D đã được Tòa án triệu tập nhiều lần nhưng không đến Tòa án làm việc, không có ý kiến gì về yêu cầu ly hôn của bà H. Xác minh mâu thuẫn gia đình tại địa phương cho biết quan hệ hôn nhân giữa bà H và ông D địa phương không nắm rõ, ông bà không có yêu cầu hòa giải.

Do đó chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà H, bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Minh D.

Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Minh D có 02 con chung cháu Trần Minh Ng, sinh ngày 13/01/2001 và cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 28/01/2006. Ly hôn bà H đồng ý giao cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 28/01/2006 cho ông Trần Minh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/tháng. Cháu Trần Minh Đ có nguyện vọng ở với ông D, hiện do ông D trực tiếp nuôi dưỡng kể từ khi ông D và bà H ly thân. Đối với cháu Trần Minh Ng, sinh ngày 13/01/2001 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Căn cứ các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 giao con chung cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 28/01/2006 cho ông Trần Minh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/tháng. Đối với cháu Trần Minh Ng, sinh ngày 13/01/2001 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Do bị đơn ông Trần Minh D vắng mặt nên tách ra giải quyết riêng khi có yêu cầu.

Đề nghị Hội đồng xét xử:

Căn cứ các Điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, bà Nguyễn Thị H được ly hôn ông D.

Về con chung: giao cháu Trần Minh Đ cho ông Trần Minh D nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị H có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 28/01/2006 1.000.000đồng (Một triệu đồng)/tháng.

Về tài sản chung, nợ chung: do chưa lấy được lời khai của ông Trần Minh D nên tách ra giải quyết khi có yêu cầu.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu án phí sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Ngày 24/8/2020 bà Nguyễn Thị H có đơn xin xét xử vắng mặt nên xét xử vắng mặt bà Nguyễn Thị H theo quy định tại khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Tòa án nhân dân thành phố B đã tiến hành thủ tục tổng đạt và niêm yết thông báo thụ lý vụ án, giấy triệu tập đương sự, thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, quyết định đưa vụ án ra xét xử và quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn ông Trần Minh D để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa theo quy định của pháp luật nhưng ông Trần Minh D vẫn vắng mặt không đến Tòa án nhân dân thành phố B để làm việc, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa theo

quy định của Bộ luật tố tụng dân sự theo quy định tại khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Minh D kết hôn vào năm 2000 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Phú Vinh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai. Đã được Ủy ban nhân dân xã Phú Vinh, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết ngày 18/01/2000 đúng theo quy định tại Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000 nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo bà Nguyễn Thị H trình bày sau khi kết hôn bà và ông Trần Minh D chung sống hạnh phúc với nhau được một thời gian. Sau đó vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn về tình cảm, do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường hay cãi nhau. Bà và ông Trần Minh D đã sống ly thân, bà Nguyễn Thị H xin ly hôn ông Trần Minh D.

Tại biên bản xác minh ngày 18/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa: Đại diện Ủy ban nhân dân phường Long Bình, thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai cung cấp: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Minh D quá trình chung sống có phát sinh mâu thuẫn hay không địa phương không nắm được vì bà Nguyễn Thị H và ông Trần Minh D không báo địa phương biết. Về con chung, về tài sản chung, nợ chung: Đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật.

Tại biên bản xác minh ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa: Cảnh sát khu vực khu phố 1, phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đồng Nai cung cấp: Ông Trần Minh D, sinh năm 1980 có đăng ký tạm trú tại: 521/135/22, tổ 14, khu phố 1, phường Long Bình, thành phố B, tỉnh Đồng Nai. Cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 28/01/2006 hiện đang sinh sống cùng ông Trần Minh D tại địa chỉ trên.

Xét mâu thuẫn giữa bà Nguyễn Thị H và ông Trần Minh D đã xảy ra, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên cho bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Minh D.

[3] Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Minh D có 02 con chung cháu Trần Minh Ng, sinh ngày 13/01/2001 và cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 28/01/2006. Ly hôn bà H đồng ý giao cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 28/01/2006 cho ông Trần Minh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng/tháng. Đối với cháu Trần Minh Ng, sinh ngày 13/01/2001 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết. Theo quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình quy định “Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Tại bản tự khai ngày

27/4/2020 cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 28/01/2006 có nguyện vọng sống với ông Trần Minh D và theo biên bản xác minh ngày 29/6/2020 của Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa thì hiện nay cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 28/01/2006 đang sinh sống cùng ông Trần Minh D. Vì vậy, giao con chung cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 28/01/2006 cho ông Trần Minh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà H cấp dưỡng nuôi con chung 1.000.000đồng (Một triệu đồng)/tháng. Đối với cháu Trần Minh Ng, sinh ngày 13/01/2001 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

[4] Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Minh D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa giải quyết. Nhưng do ông Trần Minh D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[5] Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Minh D không có nợ chung, không yêu cầu Tòa giải quyết. Nhưng do ông Trần Minh D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng định kỳ.

[7] Quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố B về việc giải quyết tranh chấp và nghĩa vụ chịu án phí của bà Nguyễn Thị H là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 28, 35, 203, 220, 227, khoản 1 Điều 228, 266, 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Áp dụng Điều 9, Điều 11, Điều 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000.

Áp dụng Điều 51, 54, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84, 110, 116, 117 và Điều 131 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

TUYÊN XỬ:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H đối với ông Trần Minh D về việc “Ly hôn”.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị H được ly hôn với ông Trần Minh D.

- Về con chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Minh D có 02 con chung cháu Trần Minh Ng, sinh ngày 13/01/2001 và cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 28/01/2006.

Giao con chung cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 28/01/2006 cho ông Trần Minh D trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Bà Nguyễn Thị H cấp dưỡng nuôi con chung là 1.000.000đồng (Một triệu đồng)/tháng. Thời gian cấp dưỡng tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật cho đến khi cháu Trần Minh Đ, sinh ngày 28/01/2006 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động. Đối với cháu Trần Minh Ng, sinh ngày 13/01/2001 đủ 18 tuổi và có khả năng lao động nên không đặt ra xem xét giải quyết.

Bà Nguyễn Thị H không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết các đương sự có quyền xin thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Minh D không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do ông Trần Minh D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về nợ chung: Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Minh D không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Nhưng do ông Trần Minh D vắng mặt trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Về án phí: Bà Nguyễn Thị H phải chịu 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) và 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí cấp dưỡng định kỳ. Số tiền 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm bà Nguyễn Thị H nộp theo biên lai số 0008691 ngày 06/3/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai được tính trừ án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm. Bà Nguyễn Thị H còn phải nộp tiếp 300.000đồng (Ba trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Bà Nguyễn Thị H và ông Trần Minh D có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án

dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Nai (2);
- THA thành phố B (2);
- VKSND thành phố B (2);
- Đường sự (2);
- UBND xã Phú Vinh, huyện Đ,
tỉnh Đồng Nai;
- Lưu.

Trần Thị Kim Dung

